



CÔNG TY CP ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

THÁNG 4 NĂM 2025

Số: **05** /BC/HĐQT-DLR

Đà Lạt, ngày **04** tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi:

- UBCK Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. *Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: CÔNG TY CP ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000142 do Sở KH&ĐT tỉnh Lâm Đồng cấp, thay đổi lần thứ 6 ngày 15/10/2024
- Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: 25 Trần Phú, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- Số điện thoại: (84) 2633 822 243
- Số fax/Fax: (84) 2633 821 433
- Website; www.dalatreal.com.vn
- Mã cổ phiếu: DLR
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Năm 2008: Thành lập Công ty CP Địa ốc Đà Lạt từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Kinh doanh và Phát triển nhà Lâm Đồng
 - + Năm 2009: Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 01/01/2008
 - + Năm 2010: Ngày 20/05/2010 Công ty chính thức niêm yết giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)
 - + Năm 2011: Thành lập Công ty TNHH Một Thành Viên Xây Dựng Địa ốc Đà Lạt và thành lập Công ty TNHH Một Thành Viên Địa ốc Bảo Lộc.
 - + Năm 2013: Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2013-2018 với định hướng chiến lược tập trung vào hoạt động đầu tư dự án và thi công xây dựng công trình.
 - + Năm 2024: Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 và Nhiệm kỳ 2024-2029, Đại hội đã bầu lại Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2024-2029. tổ chức lại bộ

máy Doanh nghiệp và định hướng chiến lược tập trung vào hoạt động đầu tư dự án và thi công xây dựng các công trình và các công việc khác.

- Các sự kiện khác:

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà làm việc, nhà ở;

+ Thi công xây lắp các công trình: dân dụng, giao thông, thủy lợi, công nghiệp, công trình điện từ 35KV trở xuống, công trình hạ tầng kỹ thuật;

+ Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng;

+ Tư vấn lập dự án, tư vấn quản lý dự án, tư vấn kiểm định chất lượng công trình xây dựng: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;

+ Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát các công trình xây dựng: dân dụng, công nghiệp;

+ Kinh doanh dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống, giải trí, dịch vụ lễ hành, vận chuyển khách.

- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

- Cơ cấu bộ máy quản lý

+ **Đại Hội Đồng Cổ Đông:** Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

+ **Hội đồng quản trị:** Gồm 05 thành viên. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Ngày không còn là thành viên HĐQT
1	Đinh Thanh Tâm	Chủ tịch HĐQT	18/9/2024	
2	Phạm Văn Dương	Thành viên	18/9/2024	
3	Lê Đình Chí Linh	Thành viên	18/9/2024	
4	Nguyễn Hữu Quốc	Thành viên	18/9/2024	
5	Lưu Thủy Dương	Thành viên	18/9/2024	

+ **Ban kiểm soát:** Gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Ngày không còn là thành viên BKS

1	Nguyễn Kim Cúc	Trưởng ban	18/9/2024	
2	Trần Văn Vinh	Thành viên	18/9/2024	
3	Đinh Thị Tường Vi	Thành viên	18/9/2024	

+ **Ban Tổng Giám đốc:** Gồm 01 Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; 01 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng cũng do HĐQT bổ nhiệm.

STT	Ban điều hành	Chức vụ	Ngày đảm nhận chức vụ	Ngày thôi đảm nhận chức vụ
1	Huỳnh Đức Hùng	Tổng Giám đốc	18/9/2024	
2	Phạm Văn Dương	Phó Tổng Giám đốc	09/4/2021	
3	Cao Thị Hoa	Kế toán trưởng	28/6/2024	

- Các công ty con, công ty liên kết:

+ **Các Công ty độc lập, Công ty liên kết:**

Công ty TNHH MTV Xây dựng Địa ốc Đà Lạt:

Địa chỉ: 274 Phan Đình Phùng – Phường 2 – TP. Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng

Lĩnh vực hoạt động: Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, cấp thoát nước...

Vốn điều lệ thực góp : 4.000.000.000 đ (Bốn tỷ đồng)

Tỷ lệ : 100% vốn Chủ sở hữu.

Công ty TNHH MTV Địa ốc Bảo Lộc:

Địa chỉ: 18 Lê Thị Hồng Gấm – Phường 1 – TP. Bảo Lộc – tỉnh Lâm Đồng

Lĩnh vực hoạt động: Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, cấp thoát nước.... Giám sát công trình dân dụng, công nghiệp ...V..V...

Vốn điều lệ thực góp : 2.000.000.000 đ (Hai tỷ đồng)

Tỷ lệ : 100% vốn Chủ sở hữu.

Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Địa ốc Đà Lạt:

Địa chỉ: 25 Trần phú – Phường 3 – TP. Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng

Lĩnh vực hoạt động: Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Thiết kế quy hoạch xây dựng. Tư vấn đầu tư xây dựng: lập và thẩm định dự án đầu tư, định giá xây dựng. Giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Lập hồ sơ mời thầu, thẩm tra thiết kế dự toán hồ sơ mời thầu.....

Vốn điều lệ thực góp : 348.000.000 đ (Ba trăm bốn mươi tám triệu đồng)

Tỷ lệ : 29% DLR tham gia góp vốn.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Lấy đầu tư làm nền tảng để tạo doanh thu, lợi nhuận và giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, kết hợp một cách hợp lý, phù hợp với các hình thức, loại hình dự án đầu tư truyền thống của doanh nghiệp gắn với bổ sung hoạt động đầu tư theo các loại hình, lĩnh vực đầu tư mới như bất động sản du lịch, hạ tầng kỹ thuật...;

Tiếp tục lấy hoạt động thi công xây dựng làm hoạt động chính trong sản xuất kinh doanh theo hướng nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động xây dựng gắn với hoạt động đầu tư của Công ty, mở rộng lĩnh vực và địa bàn hoạt động thầu thi công xây dựng nhằm tạo ra doanh thu và thu nhập đảm bảo duy trì sự ổn định của doanh nghiệp;

Thông qua các giải pháp đầu tư, từng bước chuyển đổi hoạt động trên lĩnh vực dịch vụ du lịch; Từ quản lý tài sản của doanh nghiệp sang dịch vụ cao ốc, văn phòng cho thuê.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

5. Các rủi ro: Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ..

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2024 (ĐVT: đồng)	THỰC HIỆN 2024 (ĐVT: đồng)
1	Doanh thu	48.555.149.000	32.203.717.000
2	Lợi nhuận trước thuế	749.462.000	10.804.520.000
3	Lợi nhuận sau thuế	599.570.000	10.672.777.000

- Kết quả thực hiện so với kế hoạch theo lĩnh vực hoạt động:

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG		KẾ HOẠCH NĂM 2024 (ĐVT: đồng)		KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024 (ĐVT: đồng)		SO SÁNH THỰC HIỆN/ KẾ HOẠCH	
		Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận
1	Hoạt động xây lắp	16.500.000.000	165.000.000	-	-		
2	Hoạt động cho thuê BĐS	8.615.149.000	4.768.932.000	6.869.242.000	(1.474.195.000)	79,7%	
3	Hoạt động tài chính			16.783.584.000	12.220.339.000	180,8%	
4	Hoạt động SXKD VLXD	2.940.000.000	2.138.843.000	5.315.713.000	(1.742.698.000)		
5	Hoạt động khác	20.500.000.000	(6.323.312.000)	3.235.177.000	1.801.074.000	15,8%	
	HỢP CỘNG	48.555.149.000	749.462.000	32.203.717.000	10.804.520.000	66,3%	1441,6 %
	THUẾ TNDN	-	149.892.000		131.743.000		

HỢP NHẤT (LN SAU THUẾ)	48.555.149.000	599.570.000	32.203.717.000	10.672.777.000	66,3%	1.780 %
----------------------------------	----------------	-------------	----------------	----------------	-------	---------

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2024 của Công ty với doanh thu thực hiện được 32,2 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 10,8 tỷ đồng, tương ứng đạt 66.3% kế hoạch về doanh thu và 1.441,6% kế hoạch lợi nhuận, cụ thể:

+ Hoạt động thi công xây lắp: Không có doanh thu của lĩnh vực này, khối Văn phòng công ty chưa thực hiện được theo kế hoạch đề ra do đang trong quá trình thực hiện triển khai đầu tư dự án do Công ty làm chủ đầu tư; Hoạt động thi công xây lắp của Công ty TNHH MTV XD Địa ốc Đà Lạt không có doanh thu/ kế hoạch đề ra trong năm là 16,5 tỷ đồng.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng: Kết quả doanh thu thực hiện được trong năm là 5,3 tỷ đồng/ kế hoạch đề ra 2,9 tỷ đồng, tương ứng đạt 180,8% kế hoạch, lợi nhuận là (1,742) tỷ đồng.

+ Hoạt động cho thuê nhà, bất động sản đạt 6,8 tỷ đồng doanh thu và (1,4) tỷ đồng lợi nhuận, tương ứng đạt 79,7% kế hoạch đề ra trong năm.

+ Hoạt động tài chính: Doanh thu từ hoạt động tài chính đạt 16,7 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 12,2 tỷ đồng.

+ Hoạt động khác: Hoạt động khác doanh thu đạt 3,2 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 1,8 tỷ đồng, tương ứng đạt 15,8% kế hoạch đề ra.

+ **Đánh giá chung:** Ngoài những lý do khách quan chung của kinh tế thế giới thì những khó khăn về nợ vay cũng như vướng mắc triển khai dự án của công ty làm chủ đầu tư dẫn đến kế hoạch doanh thu và lợi nhuận chưa đạt như kỳ vọng đề ra.

2. Tổ chức và nhân Sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.

TT	BAN ĐIỀU HÀNH	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Huỳnh Đức Hùng	Tổng Giám đốc	0	0 %
2	Phạm Văn Dương	Phó Tổng giám đốc	0	0%
3	Cao Thị Hoa	Kế toán trưởng	0	0%

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm).

- Hội đồng quản trị đã miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với Ông Đinh Thanh Tâm kể từ ngày 18/9/2024.

- Hội đồng Quản trị đã bổ nhiệm Ông Huỳnh Đức Hùng giữ chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 18/9/2024 và là người đại diện theo pháp luật của Công ty;

- Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Bà Cao Thị Hoa – Phụ trách kế toán Công ty VLXD Địa ốc Đà Lạt đảm nhận chức vụ: Kế toán trưởng Công ty CP Địa ốc Đà Lạt kể từ ngày 28/6/2024;

- Hội đồng Quản trị đã ra Nghị quyết miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng Địa ốc Đà Lạt đối với Ông Lương Quang Kỳ kể từ ngày 31/10/2024;

- Hội đồng Quản trị đã ra Nghị quyết bổ nhiệm Ông Phạm Văn Dương – Chủ tịch Công ty TNHH Xây dựng Địa ốc Đà Lạt kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng Địa ốc Đà Lạt kể từ ngày 01/11/2024;

- Hội đồng Quản trị đã ra Nghị quyết bổ nhiệm Ông Phạm Văn Dương đảm nhận chức danh Chủ tịch Công ty TNHH MTV Địa ốc Bảo Lộc kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 23/10/2024;

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động; Số lượng cán bộ, nhân viên: 17 người (*Văn phòng Công ty DLR, 02 Cty thành viên*).

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết.

Công ty đã và đang đã lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung dự án Khu Dân cư Đồi An Tôn, Phường 5, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng như sau:

- Nhà đầu tư: Công ty CP Địa ốc Đà Lạt

- Mục tiêu đầu tư: Xây dựng Khu nhà ở đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, xã hội để bán và cho thuê;

- Quy mô dự án: Diện tích đất quy hoạch: 115.199,72m². Trong đó có 55.141,42m² đất ở bao gồm:

+ Đất ở biệt lập: 35.107,63 m²

+ Đất ở liên kế sân vườn: 12.121,83m²

+ Đất nhà ở dạng căn hộ: 7.911,96 m²

+ Tổng vốn đầu tư của dự án: 1.421.348.579.000 đồng

- Dự án này đang được Công ty triển khai thực hiện và đang dần hoàn thiện các thủ tục pháp lý.

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

- Sáp nhập nguyên trạng Công ty Vật liệu xây dựng Địa ốc Đà Lạt, Công ty Du lịch Mai Anh Đào (Là hai Công ty thành viên hạch toán phụ thuộc của DLR) về Văn phòng Công ty CP Địa ốc Đà Lạt;

- Công ty TNHH MTV Xây dựng địa ốc Đà Lạt:

Trong năm, lĩnh vực hoạt động chính của Công ty TNHH MTV Xây dựng Địa ốc Đà

Lạt là thi công xây dựng không có doanh thu, doanh thu cho thuê mặt bằng là 837 triệu đồng, doanh thu hoạt động tài chính là 66,5 triệu đồng, lợi nhuận trước thuế là âm (- 309) triệu đồng; Nợ phải trả là 2,9 tỷ đồng, vốn CSH âm (- 441) triệu đồng.

- Công ty TNHH MTV Địa ốc Bảo Lộc:

Trong năm doanh thu cho thuê văn phòng của Công ty là 104 triệu đồng, doanh thu hoạt động khác là 1,5 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 1,4 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế TNDN là 1,2 tỷ đồng; Nợ phải trả là 18,8 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu là âm (-18,2) tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

CHỈ TIÊU	NĂM 2023 (Triệu đồng)	NĂM 2024 (Triệu đồng)	% TĂNG GIẢM 2024/2023
Số cổ phần	4.500.000	4.500.000	100%
Tổng giá trị tài Sản	53,4	51,78	97%
Doanh thu thuần	17,03	12,25	72%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7,9	5,66	72%
Lợi nhuận khác	(1,9)	18,48	
Lợi nhuận trước thuế	375	10,80	2881%
Lợi nhuận sau thuế	375	10,67	2846%

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN	NĂM 2023	NĂM 2024
Nợ/ Tổng tài sản (%)	131,3	111,66
Nợ/ Vốn chủ sở hữu (%)		
Các khoản phải thu/ Tổng tài sản	4,03%	2,09%
KHẢ NĂNG CHI TRẢ, THANH TOÁN	NĂM 2023	NĂM 2024
Hệ số chi trả lãi vay (lần)	1,19	3,31
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	0,35	0,41
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,08	0,10
Nợ ngắn hạn (Triệu đồng)	66,08	55,41
Khả năng thanh toán bằng tiền/ Nợ ngắn hạn	2,96%	6,23%
KHẢ NĂNG SINH LỜI	NĂM 2023	NĂM 2024
Hệ số lãi ròng (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu)	2,20%	87,09%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,7%	20,6%
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	46,43%	46,19%
Suất sinh lời của tài sản (ROA)	0,70%	20,61%
Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	83	2.372
Tỷ số giá thu nhập (P/E)	102	4

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch

tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

b) Cơ cấu cổ đông: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.

STT	NHÓM CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG	CP SỞ HỮU
1	Cá nhân trong nước	181	4.282.764
2	Tổ chức trong nước	4	5.236
3	Cá nhân nước ngoài	5	212.000
TỔNG CỘNG		190	4.500.000

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp).

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch.

e) Các chứng khoán khác: Nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Số lượng cán bộ, nhân viên: 17 người (Bao gồm: Văn phòng Công ty, 02 Công ty thành viên độc lập).

- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật lao động liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách và quyền lợi của người lao động: thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, HDLĐ, BHXH, BHYT, BHTN...

Điều kiện làm việc của người lao động trong Công ty luôn được đảm bảo nhằm tạo thuận lợi nhất cho người lao động hoàn thành nhiệm vụ, yên tâm công tác.

Lương bình quân của CB-CNV năm 2024 là 8.000.000 đồng/người/tháng.

Người lao động được trả tiền thưởng theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty. Hàng năm có nhiều đợt thưởng như: Lương tháng 13, Tết Dương lịch, Giỗ Tổ Hùng Vương, Lễ 30/4, 02/9, Tết nguyên đán...

Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm hỗ trợ vào tạo mọi điều kiện để CBNV được đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ. Qua đó sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với trình độ và yêu cầu của các đơn vị.

Liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty luôn hoàn thành mọi nghĩa vụ đối với địa phương, tham gia đóng góp các chương trình xã hội – từ thiện...

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

Kết quả hoạt động SXKD hợp nhất của công ty trong năm với doanh thu là 32,2 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 10,8 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu âm (6,04) triệu đồng là do những nguyên nhân chủ yếu sau:

+ Các dự án đầu tư đang trong quá trình đầu tư nên chưa có nguồn thu dẫn đến ảnh hưởng đến kế hoạch doanh thu và lợi nhuận; Tuy nhiên, Công ty đã có những bước phát triển đáng ghi nhận. Công ty đã đạt được lợi nhuận như mong đợi.

+ Cơ cấu nguồn vốn dần được ổn định, định hướng được tiềm năng phát triển trong thời gian tới.

+ Tình hình nhân lực chưa ngang tầm với yêu cầu phát triển công ty; nguồn lực tài chính của Công ty còn đang trong quá trình định hướng... hoạt động SXKD có những diễn biến tích cực.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Tổng tài sản trong năm là 51,78 tỷ đồng, giảm 1,6 tỷ đồng so với năm trước.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Tổng nợ ngắn hạn và dài hạn trong năm là 57,8 tỷ đồng, tương ứng 82% so với năm 2023.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Kế hoạch SXKD năm 2025 (Theo lĩnh vực hoạt động và phân bổ chi phí theo doanh thu):



LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG		KẾT QUẢ NĂM 2024 (ĐVT: đồng)		KẾ HOẠCH NĂM 2025 (ĐVT: đồng)		SO SÁNH NĂM 2025 / NĂM 2024	
		Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận
1	Cho thuê nhà, biệt thự, tài sản	6.869.242.000	(1.474.195.000)	11.535.136.000	4.913.849.000	167,92%	
2	Hoạt động SXKD VLXD	5.315.713.000	(1.742.698.000)	2.521.400.000	1.172.175.000	47,43%	
3	Hoạt động tài chính	16.783.584.000	12.220.339.000				
4	Hoạt động khác	3.235.177.000	1.801.074.000	3.888.530.000	(5.128.283.000)	120,2%	
	HỢP CỘNG	32.203.717.000	10.804.520.000	17.945.066.000	957.741.000	55,72%	8,86%
	THUẾ TNDN		131.743.000		191.548.000		
	HỢP NHẤT (LN SAU THUẾ)	32.203.717.000	10.672.777.000	17.945.066.000	766.193.000	55,72%	7,18%

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Trong năm 2024 HĐQT Công ty đã tổ chức được Đại hội đồng cổ đông thường niên và bầu Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029. Hội đồng Quản trị thường xuyên liên hệ và tổ chức các kỳ họp nhằm đưa ra các chiến lược phát triển cho Công ty.

Hội đồng Quản trị làm việc với sự nhất trí cao, cùng đưa Công ty phát triển trong thời gian tới.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban Tổng Giám đốc được kiện toàn và làm việc tích cực để tái cơ cấu lại Công ty. Hội đồng Quản trị chỉ đạo thường xuyên cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện triển khai các công việc một cách nhanh chóng, hiệu quả.

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc phối hợp xử lý các công việc được giao, bước đầu đã tạo được những thành tựu trong chiến lược phát triển Công ty trong thời gian tới.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tiếp tục lộ trình Tái cấu trúc doanh nghiệp; Xây dựng tầm nhìn, sứ mệnh cho toàn bộ Doanh nghiệp. Xây dựng và quản lý chặt chẽ kế hoạch tài chính gắn liền với chiến lược phát triển của doanh nghiệp; Phát triển Công ty theo mô hình năng động, linh hoạt, tập trung vào các ngành nghề mũi nhọn, có lợi thế của doanh nghiệp, khai thác được thế mạnh đặc thù của địa phương, phù hợp với chính sách kinh tế vĩ mô.

- Nâng cao quản trị doanh nghiệp, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý, nhằm tạo cơ chế tự chủ, phát huy được thế mạnh của doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

- Quản lý hiệu quả quỹ nhà, đất của công ty. Tích cực, chủ động triển khai các dự án mà công ty làm chủ đầu tư. Phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn chủ sở hữu, cơ cấu lại nợ vay qua đó nâng cao năng lực tài chính để triển khai các dự án đầu tư.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Ngày không còn là thành viên HĐQT
1	Đinh Thanh Tâm	Chủ tịch HĐQT	18/9/2024	
2	Phạm Văn Dương	Thành viên	18/9/2024	
3	Lê Đình Chí Linh	Thành viên	18/9/2024	
4	Nguyễn Hữu Quốc	Thành viên	18/9/2024	
5	Lưu Thủy Dương	Thành viên	18/9/2024	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

Gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty.

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Ngày không còn là thành viên BKS
1	Nguyễn Kim Cúc	Trưởng ban	18/9/2024	
2	Trần Văn Vinh	Thành viên	18/9/2024	
3	Đinh Thị Tường Vi	Thành viên	18/9/2024	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

VI. Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Báo cáo tài chính hợp nhất

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
đã được kiểm toán**

AMC

142-
TY
A OC
T
H DONG

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 38

TCB
01/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công Ty Cổ Phần Địa Ốc Đà Lạt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Khái quát

Công Ty Cổ Phần Địa Ốc Đà Lạt được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công Ty Kinh Doanh và Phát Triển Nhà Lâm Đồng theo Quyết định số 3747/QĐ-UB ngày 19/12/2006 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5800000142 đăng ký lần đầu ngày 27/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 15 tháng 10 năm 2024 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Lâm Đồng cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà làm việc, nhà ở. Thi công xây lắp các công trình: dân dụng, giao thông thủy lợi, công nghiệp, công trình điện từ 35KV trở xuống, công trình hạ tầng kỹ thuật. Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, sản phẩm bê tông, kinh doanh vận tải hàng. Lập quy hoạch, tư vấn lập dự án, tư vấn quản lý dự án, tư vấn kiểm định chất lượng công trình xây dựng: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật. Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát các công trình xây dựng: dân dụng, công nghiệp, thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn. Lập hồ sơ khảo sát địa hình và khai thác vật liệu xây dựng. Kinh doanh dịch vụ lưu trú, ăn uống, giải trí, dịch vụ lễ hành, vận chuyển khách. Kinh doanh dịch vụ bất động sản, sản giao dịch bất động sản. Đào tạo nghề cho công nhân xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại : 25 Trần Phú – Phường 3 – Thành Phố Đà Lạt – Tỉnh Lâm Đồng - Việt Nam.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau :

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Thanh Tâm	Chủ tịch	Từ ngày 18/09/2024
Ông Trịnh Ngọc Thanh	Chủ tịch	Đến ngày 18/09/2024
Ông Quách Tấn Hải	Phó Chủ tịch	Đến ngày 18/09/2024
Ông Phạm Văn Dương	Thành viên	Từ ngày 18/9/2024
Ông Nguyễn Hữu Quốc	Thành viên	Từ ngày 18/9/2024
Ông Đinh Chí Linh	Thành viên	Từ ngày 18/9/2024
Ông Lưu Thùy Dương	Thành viên	Từ ngày 18/9/2024
Bà Lê Thị Kim Chính	Thành viên	Đến ngày 18/09/2024
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên	Đến ngày 18/09/2024
Ông Ngô Phước	Thành viên	Đến ngày 18/09/2024

Ban Tổng Giám đốc và Kế Toán Trưởng

Ông Đinh Thanh Tâm	Tổng Giám đốc	Đến ngày 18/09/2024
Ông Huỳnh Đức Hùng	Tổng Giám đốc	Từ ngày 18/09/2024
Ông Phạm Văn Dương	Phó Tổng giám đốc	
Bà Cao Thị Hoa	Kế toán trưởng	Từ ngày 28/06/2024
Ông Nguyễn Văn Hòa	Kế toán trưởng	Đến ngày 28/06/2024

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Kim Cúc	Trưởng ban	Từ ngày 18/09/2024
Ông Đào Ngọc Phương Nam	Trưởng ban	Đến ngày 18/09/2024
Bà Đinh Thị Tường Vy	Thành viên	Từ ngày 18/09/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT
Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP.Đà Lạt
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ông Trần Văn Vinh	Thành viên	Từ ngày 18/09/2024
Bà Hoàng Việt Thủy Hồng	Thành viên	Đến ngày 18/09/2024

Người đại diện theo pháp luật trong năm và đến ngày lập báo cáo này

Ông Huỳnh Đức Hùng	Tổng Giám đốc	Từ ngày 18/09/2024
Ông Trịnh Ngọc Thanh	Chủ tịch	Đến ngày 18/09/2024

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Đức Hùng
Tổng Giám đốc

Thành Phố Đà Lạt, Ngày 26 tháng 03 năm 2025

Số : 28.12.1.2/24/BCTC/NVA.VP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công Ty Cổ Phần Địa Ốc Đà Lạt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công Ty Cổ Phần Địa Ốc Đà Lạt, được lập ngày 26/03/2025, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2024 là 58.274.870.869 đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu 6.039.405.372 đồng. Ngoài ra nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 32.829.969.623 đồng. Theo đó, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Giả định hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng có thể của Công ty trong việc thực hiện thanh toán, gia hạn hoặc tái cấu trúc các khoản nợ quá hạn, sắp xếp nợ đến hạn cũng như tạo ra đủ dòng tiền trong ngắn hạn từ việc thu hồi nguồn tiền của các hoạt động kinh doanh có hiệu quả để duy trì hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty trong tương lai gần. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 không bao gồm sự điều chỉnh nào liên quan đến tình huống không chắc chắn và khả năng hoạt động liên tục của công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công Ty Cổ Phần Địa Ốc Đà Lạt tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công Ty Cổ Phần Địa Ốc Đà Lạt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã từ chối đưa ý kiến đối với báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 29/03/2024. Nội dung từ chối đưa ý kiến như sau:

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 68.947.647.709 đồng, đã vượt vốn chủ sở hữu 16.712.182.212 đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn của Công là 42.963.364.068 đồng. Công ty chưa có phương án hiệu quả để khắc phục khả năng thanh toán cũng như tìm kiếm nguồn tiền để thanh toán cho các khoản nợ, vay trong vòng 12 tháng tới trong điều kiện hoạt động bình thường.

- Công ty ghi nhận chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng của Dự án Khu Dân cư Đồi An Tôn do Công ty làm chủ đầu tư (“dự án”) có giá gốc là 16.851.649.407 đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Văn bản số 503/UBND-XD ngày 21 tháng 01 năm 2022 về việc chấm dứt hoạt động dự án. Công ty đã khởi kiện lên Tòa án Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu Tòa án tuyên hủy Văn bản số 503/UBND-XD ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Lâm Đồng. Ngày 18/01/2024 Tòa án nhân dân Tỉnh Lâm Đồng ban hành Bản án số 05/2024/HC-ST V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai”, tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của Công ty.



Cao Thị Hồng Nga
Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0613-2023-152-1
Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 27 tháng 03 năm 2025

Kiểm toán viên

Nguyễn Hồng Nga
Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1266-2023-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.585.844.703	23.120.545.446
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.453.334.867	1.955.626.522
1. Tiền	111		3.445.153.867	1.947.445.522
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.181.000	8.181.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.081.023.624	2.151.353.178
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	9.107.467.428	10.270.233.870
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	8.607.352.480	8.631.488.149
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.520.818.874	1.557.969.248
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(18.154.615.158)	(18.308.338.089)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	17.219.944.862	18.069.277.793
1. Hàng tồn kho	141		17.219.944.862	18.069.277.793
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		831.541.350	944.287.953
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	-	15.585.476
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		515.653.036	524.533.396
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	315.888.314	404.169.081
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.198.914.651	30.279.641.572
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		13.419.828.143	13.227.517.897
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	9.785.157.959	9.482.706.193
- Nguyên giá	222		32.035.421.811	36.057.073.455
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.250.263.852)	(26.574.367.262)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	3.634.670.184	3.744.811.704
- Nguyên giá	228		5.538.892.859	5.538.892.859
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.904.222.675)	(1.794.081.155)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	15.322.732.484	16.150.843.007
- Nguyên giá	231		29.549.207.355	29.549.207.355
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(14.226.474.871)	(13.398.364.348)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	267.792.709	197.663.898
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		267.792.709	197.663.898
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		185.561.315	700.616.770
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	185.561.315	700.616.770
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		51.784.759.354	53.400.187.018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT
Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP.Đà Lạt
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

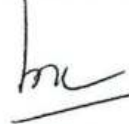
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		57.824.164.726	70.112.369.230
I. Nợ ngắn hạn	310		55.415.814.326	66.083.909.514
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	13.321.394.111	13.456.798.863
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.416.688.605	1.570.373.267
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	437.938.117	2.478.813.230
4. Phải trả người lao động	314		157.713.474	86.857.727
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.812.602.641	32.740.830.031
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	2.108.207.461	1.591.378.451
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	30.830.545.917	5.001.736.433
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	4.330.724.000	9.157.121.512
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.408.350.400	4.028.459.716
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15	-	2.843.109.716
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	1.288.350.000	1.185.350.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	1.120.000.400	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(6.039.405.372)	(16.712.182.212)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	(6.039.405.372)	(16.712.182.212)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.847.215.361	3.847.215.361
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.051.644.479	3.051.644.479
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		336.605.657	336.605.657
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(58.274.870.869)	(68.947.647.709)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(68.947.647.709)	(69.323.362.328)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.672.776.840	375.714.619
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		51.784.759.354	53.400.187.018

Thành Phố Đà Lạt, ngày 26 tháng 03 năm 2025
Người lập biểu


Cao Thị Hoa

Kế toán trưởng


Cao Thị Hoa



Tổng Giám Đốc


Đức Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
NĂM 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	12.254.955.800	17.028.913.590
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	12.254.955.800	17.028.913.590
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	6.593.693.375	9.122.839.571
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.661.262.425	7.906.074.019
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	114.583.743	17.303.925
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.633.373.874	1.851.601.922
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.633.373.874	1.851.601.922
8. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		70.128.811	(56.175.372)
9. Chi phí bán hàng	24		-	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	8.895.731.092	3.731.101.086
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.683.129.987)	2.284.499.564
12. Thu nhập khác	31	VI.6	19.834.177.407	7.367.910
13. Chi phí khác	32	VI.7	1.346.527.804	1.916.152.855
14. Lợi nhuận khác	40		18.487.649.603	(1.908.784.945)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.804.519.616	375.714.619
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	131.742.776	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.672.776.840	375.714.619
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		10.672.776.840	375.714.619
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
19. Lãi (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2.372	83
20. Lãi (Lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	2.372	83

Thành Phố Đà Lạt, ngày 26 tháng 03 năm 2025
Người lập biểu

[Signature]

Cao Thị Hoa

Kế toán trưởng

[Signature]

Cao Thị Hoa



Tổng Giám Đốc

Huỳnh Đức Hùng

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
NĂM 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.804.519.616	375.714.619
2. Điều chỉnh các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.599.247.249	2.673.118.504
- Các khoản dự phòng	03	(153.722.931)	550.524.697
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.423.236.984)	38.871.447
- Chi phí đi vay	06	4.633.373.874	1.851.601.922
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	16.460.180.824	5.489.831.189
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.231.932.845	2.179.625.284
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	849.332.931	(530.108.244)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(8.034.025.410)	(4.504.121.608)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	530.640.931	177.225.253
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.293.746.669)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.744.315.452	2.812.451.874
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.120.847.273)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.466.053.535	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	114.583.743	17.303.925
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(540.209.995)	17.303.925
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.900.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.606.397.112)	(3.255.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.706.397.112)	(3.255.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.497.708.345	(425.244.201)
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	1.955.626.522	2.380.870.723
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	3.453.334.867	1.955.626.522

Thành Phố Đà Lạt, ngày 26 tháng 03 năm 2025
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

Cao Thị Hoa

Cao Thị Hoa

Trần Đức Hùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Địa Ốc Đà Lạt được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công Ty Kinh Doanh và Phát Triển Nhà Lâm Đồng theo Quyết định số 3747/QĐ-UB ngày 19/12/2006 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5800000142 đăng ký lần đầu ngày 27/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 15 tháng 10 năm 2024 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Lâm Đồng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại : 25 Trần Phú – Phường 3 – Thành Phố Đà Lạt – Tỉnh Lâm Đồng - Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là : Kinh doanh bất động sản, Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, Thi công xây lắp các công trình.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh bất động sản, Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng. Thi công xây lắp các công trình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh bất động sản, Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng nên chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty là chu kỳ kinh doanh trong 12 tháng theo thực tế.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31/12/2024 là: 10 người (tại ngày 31/12/2023 là 10 người).

Tổng số các Công ty con: 2

Số lượng Công ty con được hợp nhất: 2

Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0

Danh sách các công ty con được hợp nhất theo phương pháp giá gốc như sau:

Tên Công ty con	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công Ty TNHH MTV Xây Dựng Địa Ốc Đà Lạt	Xây dựng, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, giám sát công trình, thiết kế công trình	4.000.000.000 VND	100%	100%
Công Ty TNHH MTV Xây Dựng Địa Ốc Bảo Lộc	Xây dựng, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, giám sát công trình, thiết kế công trình	2.000.000.000 VND	100%	100%

Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên Công ty liên kết	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công Ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Địa Ốc Đà Lạt	Tư vấn thiết kế, giám sát công trình xây dựng. Thiết kế, qui hoạch.	1.200.000.000 VND	29%	29%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con. Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng tại Tổng Công ty thì báo cáo tài chính của công ty con sẽ được điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc hợp nhất báo cáo.

Số dư các tài khoản trong bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP.Đà Lạt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá trị hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:

- + Đối với nợ phải thu: Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- + Đối với nợ phải trả: Tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được xác định theo nguyên tắc sau:

- + Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- + Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm sau khi được bù trừ chênh lệch tăng với chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP.Đà Lạt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán...) được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được Công ty ghi nhận từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập là phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

c) Đầu tư vào công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

d) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

e) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tăng hoặc giảm dự phòng các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP.Đà Lạt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận là số hiện có của các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tồn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

8. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP.Đà Lạt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
Nhà cửa vật kiến trúc	25-30	25-30
Máy móc thiết bị	08	08
Phương tiện vận tải	05-08	05-08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05	05
Quyền sử dụng đất	49-50	49-50

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

10. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
- Quyền sử dụng đất	50	50
- Nhà cửa vật kiến trúc	25	25

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

12. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

13. Nguyên tắc kế toán hợp đồng hợp tác kinh doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

14. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

15. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP.Đà Lạt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ý chứng khoán được xác lập.

884

GT

HH

TO,

A

OC

S.B.K.

11

00

CO

PT

D

02/

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP.Đà Lạt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê hoạt động phải được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động được theo dõi theo thời gian đã thanh toán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP.Đà Lạt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất và ghi giảm doanh thu, trên báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (năm trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

19. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm,

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP.Đà Lạt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

23. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ngày ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP.Đà Lạt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	19.791.057	29.036.527
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.425.362.810	1.918.408.995
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	8.181.000	8.181.000
Cộng	3.453.334.867	1.955.626.522

2. Phải thu khách hàng

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Bạch Việt	307.761.000	307.761.000
Công Ty TNHH Tiến Cường	187.759.486	118.906.486
Công Ty TNHH Green Park Việt Nam	764.132.182	764.132.182
Công Ty Cổ Phần Sông Đà Thăng Long	286.657.500	286.657.500
Công Ty TNHH Vạn Trường Đức	196.110.416	911.058.989
Công Ty TNHH Xây Dựng Phúc Lộc	298.758.850	298.758.850
Các khách hàng khác	7.066.287.994	7.582.958.863
Cộng	9.107.467.428	10.270.233.870

3. Trả trước cho người bán

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Nguyễn Trường Giang	995.819.608	995.819.608
Phạm Trọng Tuệ	1.623.916.242	1.623.916.242
Đỗ Tiến Quang	1.868.782.744	1.868.782.744
Nguyễn Thanh Lam	808.064.786	808.064.786
Nguyễn Đình Phong	440.528.225	440.528.225
Trần Quốc Tuấn	110.000.000	110.000.000
Trần Văn Long	207.103.633	207.103.633
Phạm Hoàng Long	457.907.216	457.907.216
Lê Trung Dũng	268.172.954	268.172.954
Lê Đức Nhân	440.945.108	440.945.108
Công Ty TNHH Tư Vấn Tài Nguyên Việt	153.800.000	153.800.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	1.232.311.964	1.256.447.633
Cộng	8.607.352.480	8.631.488.149

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP. Đà Lạt

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Phải thu khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng	62.085.419	77.680.176
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	800.000.000	800.000.000
Phải thu khác	658.733.455	680.289.072
Cộng	1.520.818.874	1.557.969.248

b. Dài hạn

Ký quỹ, ký cược dài hạn

Cộng

3.000.000	3.000.000
3.000.000	3.000.000

5. Nợ xấu

	Đơn vị tính: VND		
	Cuối năm		Đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
a. Phải thu khách hàng			
Công Ty TNHH SX TM DV Bạch Việt	8.578.716.405	(8.349.476.750)	229.239.655
Công Ty TNHH Green Park Việt Nam	307.761.000	(307.761.000)	-
Báo Sài Gòn Giải Phóng	764.132.182	(534.892.527)	229.239.655
Công Ty Cổ Phần Sông Đà Thăng Long	382.307.608	(382.307.608)	-
Các khách hàng khác	286.657.500	(286.657.500)	-
b. Phải thu khác	6.837.858.115	(6.837.858.115)	-
Phải thu khác	1.394.772.928	(1.394.772.928)	-
c. Trả trước cho người bán	1.394.772.928	(1.394.772.928)	-
Phạm Trọng Tuệ	8.410.365.480	(8.410.365.480)	-
Đỗ Tiến Quang	1.623.916.242	(1.623.916.242)	-
Nguyễn Trường Giang	1.868.782.744	(1.868.782.744)	-
Các nhà cung cấp khác	995.819.608	(995.819.608)	-
Cộng	3.921.846.886	(3.921.846.886)	-
	18.383.854.813	(18.154.615.158)	18.690.404.180
			382.066.091

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT
Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP.Đà Lạt
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	26.260.000	-	98.893.649	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	6.293.660	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	17.193.684.862	-	17.193.684.862	-
Thành phẩm	-	-	770.405.622	-
Cộng	17.219.944.862	-	18.069.277.793	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2024 có giá trị: 17.193.684.862 VND trong đó: Chi phí dở dang (Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng) của Dự án Khu Dân cư Đồi An Tôn có tổng giá trị đầu tư là: 16.851.649.407 VND.

Liên quan đến dự án này, ngày 21 tháng 01 năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Văn bản số 503/UBND-XD về việc chấm dứt hoạt động dự án Dự án Khu Dân cư Đồi An Tôn ("dự án") của Công ty. Ngày 24 tháng 01 năm 2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-KHĐT về chấm dứt hoạt động dự án Dự án Khu Dân cư Đồi An Tôn do Công ty làm chủ đầu tư. Ngày 10 tháng 3 năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 396/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đã giao cho Công ty với lý do Dự án Khu Dân cư Đồi An Tôn đã chấm dứt hoạt động.

Không đồng ý với việc bị chấm dứt hoạt động của dự án và thu hồi đất của Cơ quan thẩm quyền, Công ty đã khởi kiện lên Tòa án Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu Tòa án tuyên hủy Văn bản số 503/UBND-XD ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Lâm Đồng, Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Lâm Đồng, Quyết định số 06/QĐ-KHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng và các văn bản và quyết định hành chính có liên quan.

Ngày 18/01/2024 Tòa án nhân dân Tỉnh Lâm Đồng ban hành Bản án số 05/2024/HC-ST V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai", tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của Công ty. Không đồng ý với Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Tỉnh Lâm Đồng, ngày 19/02/2024 Công ty đã nộp đơn kháng cáo đến Tòa án Nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 19/08/2024 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh đã ban hành bản án số: 871/2024/HC-PT V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai", tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty đối với yêu cầu. " Hủy văn bản số 503/UBND-XD về việc chấm dứt hoạt động dự án Dự án Khu Dân cư Đồi An Tôn ("dự án") của Công ty. Hủy Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Lâm Đồng. Hủy Quyết định số 06/QĐ-KHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng và các văn bản và quyết định hành chính có liên quan.

7. Chi phí trả trước

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí sửa xe	-	15.585.476
Cộng	-	15.585.476
b. Dài hạn		
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ chờ phân bổ	119.758.820	12.526.516
Chi phí quyền khai thác khoáng sản và đền bù vùng nguyên liệu khai thác	-	582.855.472
Chi phí trả trước dài hạn khác	65.802.495	105.234.782
Cộng	185.561.315	700.616.770

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3 - TP. Đà Lạt

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						Đơn vị tính: VND
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng	
<i>Nguyên giá</i>						
Số dư đầu năm	10.779.504.002	21.132.402.718	3.864.304.308	280.862.427	36.057.073.455	
Số tăng trong năm	-	-	2.120.847.273	-	2.120.847.273	
- Mua sắm mới			2.120.847.273		2.120.847.273	
Số giảm trong năm	-	2.903.126.488	3.239.372.429	-	6.142.498.917	
- Thanh lý, nhượng bán		2.903.126.488	3.239.372.429		6.142.498.917	
Số dư cuối năm	10.779.504.002	18.229.276.230	2.745.779.152	280.862.427	32.035.421.811	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Số dư đầu năm	6.161.130.985	16.322.847.200	3.809.526.650	280.862.427	26.574.367.262	
Số tăng trong năm	334.361.361	1.280.439.517	46.194.328	-	1.660.995.206	
- Khấu hao trong năm	334.361.361	1.280.439.517	46.194.328		1.660.995.206	
Số giảm trong năm	-	2.776.401.684	3.208.696.932	-	5.985.098.616	
- Thanh lý, nhượng bán		2.776.401.684	3.208.696.932		5.985.098.616	
Số dư cuối năm	6.495.492.346	14.826.885.033	647.024.046	280.862.427	22.250.263.852	
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại ngày đầu năm	4.618.373.017	4.809.555.518	54.777.658	-	9.482.706.193	
Tại ngày cuối năm	4.284.011.656	3.402.391.197	2.098.755.106	-	9.785.157.959	

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 2.098.755.106

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.227.741.850 đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP.Đà Lạt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Đơn vị tính: VND
<i>Nguyên giá</i>				
Số dư đầu năm	4.404.107.500	141.958.364	992.826.995	5.538.892.859
Số tăng trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.404.107.500	141.958.364	992.826.995	5.538.892.859
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>				
Số dư đầu năm	1.348.196.151	141.958.364	303.926.640	1.794.081.155
Khấu hao trong năm	89.879.744	-	20.261.776	110.141.520
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.438.075.895	141.958.364	324.188.416	1.904.222.675
<i>Giá trị còn lại</i>				
Tại ngày đầu năm	3.055.911.349	-	688.900.355	3.744.811.704
Tại ngày cuối năm	2.966.031.605	-	668.638.579	3.634.670.184

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP.Đà Lạt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư đầu năm	16.266.575.243	13.282.632.112	29.549.207.355
Số tăng trong năm	-	-	-
- Mua sắm mới	-	-	-
Tại ngày cuối năm	16.266.575.243	13.282.632.112	29.549.207.355
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu năm	9.212.985.115	4.185.379.233	13.398.364.348
Khấu hao trong năm	551.610.726	276.499.797	828.110.523
Tại ngày cuối năm	9.764.595.841	4.461.879.030	14.226.474.871
<i>Giá trị còn lại</i>			-
Tại ngày đầu năm	7.053.590.128	9.097.252.879	16.150.843.007
Tại ngày cuối năm (*)	6.501.979.402	8.820.753.082	15.322.732.484

(*) Ghi chú: Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Vốn đầu tư	348.000.000	348.000.000
Lãi (lỗ) từ công ty liên kết	(80.207.291)	(150.336.102)
Cộng	267.792.709	197.663.898

Khoản đầu tư vào Công Ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Địa Ốc Đà Lạt với tỷ lệ phần vốn sở hữu theo Giấy phép là 29%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP.Đà Lạt

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Phải trả người bán

	Đơn vị tính: VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn				
Công Ty Cấp Nước Lâm Đồng	361.889.779	361.889.779	361.889.779	361.889.779
Công Ty TNHH TV TK Khai Việt	498.084.526	498.084.526	498.084.526	498.084.526
Công Ty TNHH Nam Đại Việt	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Công Ty TNHH Sơn Vân Dung	575.412.071	575.412.071	575.412.071	575.412.071
Công Ty Cổ Phần Hữu Thịnh	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Nguyễn Văn Đức	1.750.000.000	1.750.000.000	1.750.000.000	1.750.000.000
Hoàng Đức Văn	1.502.954.465	1.502.954.465	1.502.954.465	1.502.954.465
Mai Đức Quốc	1.315.529.794	1.315.529.794	1.315.529.794	1.315.529.794
Cao Đăng Tuấn	1.173.890.090	1.173.890.090	1.173.890.090	1.173.890.090
Các nhà cung cấp khác	5.543.633.386	5.543.633.386	5.679.038.138	5.679.038.138
Cộng	13.321.394.111	13.321.394.111	13.456.798.863	13.456.798.863

13. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Thuế Phải thu	Thuế Phải nộp trong năm	Thuế Phải thu	Thuế Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	466.695.681	-	223.793.610
Thuế thu nhập cá nhân	-	32.804.333	-	11.248.131
Thuế tài nguyên	-	752.422.355	-	63.084.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	404.169.081	-	221.023.543	131.742.776
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	967.414.202	-	-
Thuế khác	-	-	10.000.000	-
Phí, lệ phí, phải nộp khác	-	259.476.659	-	8.069.600
Cộng	404.169.081	2.478.813.230	315.888.314	437.938.117

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP.Đà Lạt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****14. Chi phí phải trả**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay (*)	717.088.747	30.980.675.196
Chi phí trợ cấp thôi việc	46.482.000	-
Trích trước chi phí khác	2.049.031.894	1.760.154.835
Cộng	2.812.602.641	32.740.830.031

(*) Giá trị khoản lãi vay phải trả đầu năm: 30.980.675.196 VND trong đó: 28.069.000.000 VND là tổng giá trị khoản lãi vay phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Lâm Đồng. Khoản nợ lãi vay này đã được ngân hàng bán cho Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Bất Động Sản ANC (Tên cũ: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Bất Động Sản Vạn Thành Phát). Theo thông báo số 33/NHNN.LĐ-HĐBN ngày 05/01/2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Lâm Đồng. Tại ngày cuối năm khoản lãi vay này được trình bày là khoản phải trả khác cho Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Bất Động Sản ANC (Xem thêm tại thuyết minh số 16)

15. Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Doanh thu chưa thực hiện phát sinh từ cho thuê nhà	2.108.207.461	1.591.378.451
Cộng	2.108.207.461	1.591.378.451
b. Dài hạn		
Doanh thu chưa thực hiện phát sinh từ cho thuê nhà	-	2.843.109.716
Cộng	-	2.843.109.716

16. Phải trả khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tài sản thừa chưa xử lý	146.283.622	154.734.629
Kinh phí công đoàn	308.233.074	338.421.226
Phải trả cổ phần hóa	66.800.000	66.800.000
Phải trả cổ tức	63.370.332	63.370.332
Phải trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	110.633.173	110.633.173
Phải trả khoản quyết toán giảm Chung Cư Ngô Quyền	382.251.463	382.251.463
Phải trả lãi vay	589.003.233	589.003.233
Trung tâm xúc tiến đầu tư, Thương mại, Du lịch tỉnh Lâm Đồng	1.500.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Bất Động Sản ANC (**)	24.412.335.562	-
(Tên cũ: Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động Sản Vạn Thành Phát)		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.251.635.458	3.296.522.377
Cộng	30.830.545.917	5.001.736.433
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.288.350.000	1.185.350.000
Cộng	1.288.350.000	1.185.350.000

(**) Khoản nợ phải trả được chuyển từ việc mua bán khoản lãi vay phải trả đầu kỳ: 28.069.000.000 VND của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Lâm Đồng. Theo biên bản làm việc ngày 26/12/2024, thời hạn phải trả khoản nợ này là trước ngày 30/06/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP.Đà Lạt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối năm		Phát sinh trong năm		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a.							
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.330.724.000	4.330.724.000	3.779.999.600	8.606.397.112	9.157.121.512	9.157.121.512	
Vay ngắn hạn	4.050.724.400	4.050.724.400	3.500.000.000	8.606.397.112	9.157.121.512	9.157.121.512	
Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát							
Triển Nông Thôn Lâm Đồng (a1)							
Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát							
Triển Nông Thôn Lâm Đồng							
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Bất Động							
Sân Đại Kim Long (a2)	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000				-
Bà Lưu Thị Hoàng (a3)	178.224.400	178.224.400	-		178.224.400		178.224.400
Bà Lê Thị Thục Quyên (a4)	300.000.000	300.000.000	-		300.000.000		300.000.000
Bà Nguyễn Thị Hào (a5)	72.500.000	72.500.000	-		72.500.000		72.500.000
Vay dài hạn đến hạn trả	279.999.600	279.999.600	279.999.600				-
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương							
Tín - Chi nhánh Lâm Đồng (a6)	279.999.600	279.999.600	279.999.600				-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.120.000.400	1.120.000.400	1.400.000.000	279.999.600			-
Vay dài hạn	1.120.000.400	1.120.000.400	1.400.000.000	279.999.600			-
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương							
Tín - Chi nhánh Lâm Đồng (b1)	1.120.000.400	1.120.000.400	1.400.000.000	279.999.600			-
Cộng	5.450.724.400	5.450.724.400	5.179.999.600	8.886.396.712	9.157.121.512	9.157.121.512	9.157.121.512

Thuyết minh chi tiết các khoản vay:

(a1) Khoản nợ vay ngắn hạn đầu năm 8.600.000.000 VND của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Lâm Đồng đã được ngân hàng bán nợ cho Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Bất Động Sản ANC (tên cũ là Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Bất Động Sản Vạn Thành Phát) theo thông báo số 33/NHN. LD-HDBN ngày 05/01/2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Lâm Đồng và Biên bản làm việc ngày 21/03/2024 (Xem thuyết minh tại V.14 và V.16).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3 - TP. Đà Lạt

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thuyết minh chi tiết các khoản vay: (tiếp theo)

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất vay/năm	Số dư nợ gốc (VND)	Phương thức đảm bảo khoản vay
Vay ngắn hạn						
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Bất Động	số 30122024/HĐ-				4.050.724.400	
(a2) Sân Đại Kim Long	DLR	30/12/2024	6 (Tháng)	4,00%	3.500.000.000	Tín chấp
(a3) Lưu Thị Hoàng	HĐ ngày 26/04/2013 HĐ ngày 01/01/2014 và phụ lục HĐ ngày 25/02/2014 và phụ lục HĐ ngày 30/06/2013 và phụ lục HĐ ngày 01/08/2014 và phụ lục	26/04/2013		12,50%	43.224.400	Tín chấp
(a4) Lê Thị Thục Quyên		01/01/2014		10,20%	100.000.000	Tín chấp
(a5) Nguyễn Thị Hào		25/02/2014		10,20%	35.000.000	Tín chấp
Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương		30/06/2013		14,40%	300.000.000	Tín chấp
(a6) Tín - Chi Nhánh Lâm Đồng		01/08/2014		10%	72.500.000	Tín chấp
Vay dài hạn						
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương	20242790004	02/12/2024	12 (Tháng)	9,50%	279.999.600	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn
(b1) Tín - Chi Nhánh Lâm Đồng	20242790004	02/12/2024	60 (Tháng)	9,50%	1.120.000.400	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn
Cộng tổng					5.450.724.400	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3 - TP. Đà Lạt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	45.000.000.000	3.847.215.361	3.051.644.479	336.605.657	(69.323.362.325)	(17.087.896.828)
Số dư đầu năm trước					375.714.619	375.714.619
- Lãi (Lỗ) trong năm trước						
Số dư cuối năm trước	45.000.000.000	3.847.215.361	3.051.644.479	336.605.657	(68.947.647.706)	(16.712.182.212)
Số dư đầu năm nay	45.000.000.000	3.847.215.361	3.051.644.479	336.605.657	(68.947.647.706)	(16.712.182.212)
- Lãi (Lỗ) trong năm nay					10.672.776.840	10.672.776.840
Số dư cuối năm	45.000.000.000	3.847.215.361	3.051.644.479	336.605.657	(58.274.870.866)	(6.039.405.372)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	VND	%	VND	%
Ông Đình Thanh Tâm	11.025.000.000	24,50%	11.025.000.000	24,50%
Bà Đình Thị Thu Vân	3.307.000.000	7,35%	3.307.000.000	7,35%
Bà Nguyễn Thị Hào	2.250.000.000	5,00%	-	0,00%
Bà Trần Thị Thu Hương	2.240.000.000	4,98%	-	0,00%
Công Ty Cổ Phần Magnolia Investment	-	0,00%	6.007.360.000	13,35%
Ông Lê Ngọc Khánh Việt	-	0,00%	6.008.360.000	13,35%
Vốn góp của các đối tượng khác	26.178.000.000	58,17%	18.652.280.000	41,45%
Cộng	45.000.000.000	100%	45.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP.Đà Lạt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTBản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	45.000.000.000	45.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ tức đã chia bằng tiền	-	-

d. Cổ phiếu

	Năm nay Cổ phiếu	Năm trước Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.500.000	4.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Giá trị tài sản thuê ngoài	-	-
b. Tài sản nhận giữ hộ	-	-
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác	-	-
c. Ngoại tệ các loại	-	-
USD	-	-
d. Vàng tiền tệ	-	-
e. Nợ khó đòi đã xử lý	730.142.447	730.142.447

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP.Đà Lạt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTBản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu khai thác vật liệu xây dựng	3.306.911.688	7.013.400.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.948.044.112	10.015.513.590
Cộng	<u>12.254.955.800</u>	<u>17.028.913.590</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn khai thác vật liệu xây dựng	2.292.802.397	4.414.769.039
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.300.890.978	4.708.070.532
Cộng	<u>6.593.693.375</u>	<u>9.122.839.571</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	114.583.743	17.303.925
Cộng	<u>114.583.743</u>	<u>17.303.925</u>

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi tiền vay	4.633.373.874	1.851.601.922
Cộng	<u>4.633.373.874</u>	<u>1.851.601.922</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	2.100.021.527	1.862.140.850
Chi phí khấu hao TSCĐ	94.350.977	69.204.328
Chi phí (Hoàn nhập) dự phòng	(153.722.931)	550.524.697
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.521.281.796	99.814.594
Chi phí bằng tiền khác	1.333.799.723	1.149.416.617
Cộng	<u>8.895.731.092</u>	<u>3.731.101.086</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP.Đà Lạt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.308.653.241	-
Thu nhập từ khoản thoả thuận giảm lãi vay phải trả đầu năm: 28.069.000.000 VND là tổng giá trị khoản lãi vay phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Lâm Đồng. (*)	16.669.000.000	-
Thu nhập từ khoản thoả thuận giảm chi phí lãi vay phải trả đầu năm của Ngân hàng Agribank theo biên bản làm việc ngày 14/05/2024	1.534.213.654	-
Thu khác	322.310.512	7.367.910
Cộng	19.834.177.407	7.367.910

7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khấu hao TSCĐ, PB CCDC trong giai đoạn Nhà máy gạch, trạm trộn bê tông ngưng hoạt động	1.111.590.734	1.196.707.813
Phạt vi phạm, chậm nộp thuế, truy thu thuế	58.586.872	628.593.137
Chi phí khác	176.350.198	90.851.905
Cộng	1.346.527.804	1.916.152.855

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	131.742.776	-

9. Lãi (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.672.776.840	375.714.619
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.672.776.840	375.714.619
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.500.000	4.500.000
Lãi (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	2.372	83
Lãi (Lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	2.372	83

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP.Đà Lạt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	-	2.570.871
Chi phí nhân công	2.409.699.400	2.104.045.581
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.599.247.249	2.673.118.504
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	(153.722.931)	550.524.697
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.146.104.036	3.465.180.075
Chi phí bằng tiền khác	3.717.691.091	5.713.598.758
Cộng	14.719.018.845	14.509.038.486

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024.

2. Thông tin về các bên liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và kế toán trưởng

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

		Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc			
Ông Phạm Văn Dương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	272.425.534	246.505.089
Ông Huỳnh Đức Hùng	Tổng giám đốc	93.568.000	-
Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng			
Ông Nguyễn Văn Hòa	Kế toán trưởng	93.955.898	194.325.372
Bà Cao Thị Hoa	Kế toán trưởng	95.289.800	-

3. Thông tin về bộ phận

Trong năm, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh cho thuê nhà tại Việt Nam do đó công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- TP.Đà Lạt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tài sản cố định để đảm bảo cho khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.8 và V17). Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác để đảm bảo thực hiện hợp đồng thuê mặt bằng vào ngày 31/12/2023 và ngày 31/12/2024 (xem thuyết minh số V.16).

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 10 năm	Cộng
Số cuối năm	51.295.266.669	2.408.350.400	53.703.617.069
Các khoản vay	4.330.724.000	1.120.000.400	5.450.724.400
Phải trả người bán	13.321.394.111	-	13.321.394.111
Phải trả khác	30.830.545.917	1.288.350.000	32.118.895.917
Chi phí phải trả	2.812.602.641	-	2.812.602.641
Số đầu năm	60.356.486.839	4.028.459.716	64.384.946.555
Các khoản vay	9.157.121.512	-	9.157.121.512
Phải trả người bán	13.456.798.863	-	13.456.798.863
Phải trả khác	5.001.736.433	4.028.459.716	9.030.196.149
Chi phí phải trả	32.740.830.031	-	32.740.830.031

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tổng Giám Đốc

CÔNG TY
CÔNG PHẦN ĐỊA ỐC
ĐÀ LẠT

Huỳnh Đức Hùng

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (B/c);
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *THC*



ĐÌNH THANH TÂM

*Đ. C. P. **